

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về tiêu chí thang điểm, đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại Thành viên đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và Đoàn kiểm toán nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 963/QĐ-KTNN ngày 15/7/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-KTNN ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý của Kiểm toán nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 963/QĐ-KTNN ngày 15/7/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước Quy định về tiêu chí thang điểm, đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại Thành viên đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và Đoàn kiểm toán nhà nước như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.3 khoản 4 Điều 4 như sau:

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 1: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 2: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 3: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên;”.

2. Sửa đổi, bổ sung các tiết a, b, c, d, đ, e, g và bổ sung tiết h tại điểm 9.3 khoản 9 Điều 6 như sau:

2.1. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 9.3 khoản 9 Điều 6 như sau:

- Dấu cộng thứ 1, thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 1:

“+ Có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,95% trên tổng chi cân đối ngân sách huyện trở lên;

+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;” .

- Dấu cộng thứ 1, thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 2:

“+ Có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,65% đến dưới 0,95% trên tổng chi cân đối ngân sách huyện trở lên;

+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 1, thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 3:

“+ Có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,45% đến dưới 0,65% trên tổng chi cân đối ngân sách huyện trở lên;

+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự

toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

2.2. Sửa đổi, bổ sung tiết b điểm 9.3 khoản 9 Điều 6 như sau:

Gạch đầu dòng thứ 1: “- Nếu không kiểm tra, đối chiếu doanh nghiệp, người nộp thuế mà có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi và/hoặc kiến nghị khác: 25 điểm.”

2.3. Sửa đổi, bổ sung tiết c, tiết d, tiết e điểm 9.3 khoản 9 Điều 6 như sau:

- Dấu cộng thứ 2 gạch đầu dòng thứ 1: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 2: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng và kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 3: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng và kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

2.4. Sửa đổi, bổ sung tiết d điểm 9.3 khoản 9 Điều 6 như sau:

“- Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên: 25 điểm.

- Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá

trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên: *10 điểm*.

- Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên: *5 điểm*.”.

2.5. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai tiết g điểm 9.3 khoản 9 Điều 6 như sau:

- Dấu cộng thứ 1 của (1): “+ Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 1 của (2): “+ Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) đạt từ và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 1 của (3): “+ Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

2.6. Bổ sung thêm tiết h tại điểm 9.3 khoản 9 Điều 6 hướng dẫn tính điểm thành tích cho Tổ kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách bộ, cơ quan trung ương như sau:

“h) Tổ kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách bộ, cơ quan trung ương

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 25 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,35% trên tổng chi ngân sách trở lên.

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 10 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,20% đến dưới 0,35% trên tổng chi ngân sách trở lên.

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 5 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,10% đến dưới 0,20% trên tổng chi ngân sách trở lên”.

3. Sửa đổi, bổ sung các tiết a, b, c, d, đ, e và bổ sung tiết g, h tại điểm 9.3 khoản 9 Điều 8 như sau:

3.1. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 9.3 khoản 9 Điều 8 như sau:

- Dấu cộng thứ 1, thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 1:

“+ Có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,95% trên tổng chi cân đối ngân sách trở lên;

+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 1, thứ 2 gạch đầu dòng thứ 2:

“+ Có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,65% đến dưới 0,95% trên tổng chi cân đối ngân sách trở lên;

+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 1, thứ 2 gạch đầu dòng thứ 3:

“+ Có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,45% đến dưới 0,65% trên tổng chi cân đối ngân sách trở lên;

+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị

được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

3.2. Sửa đổi, bổ sung tiết b, tiết d, tiết đ điểm 9.3 khoản 9 Điều 8 như sau:

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 1: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 2: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 3: “+ Nếu có kiểm toán chi tiết dự án đầu tư thì phát hiện xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

3.3. Sửa đổi, bổ sung tiết c điểm 9.3 khoản 9 Điều 8 như sau:

“- Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên: 25 điểm.

- Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến

ngiht xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên: 10 điểm.

- Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên: 5 điểm.”.

3.4. *Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai tiết e điểm 9.3 khoản 9 Điều 8 như sau:*

- Dấu cộng thứ 1 của (1): “+ Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 1 của (2): “+ Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,8% đến dưới 1,2% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,8% đến dưới 1,2% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

- Dấu cộng thứ 1 của (3): “+ Có kiến nghị xử lý tài chính đối với chi phí xây dựng, kết quả kiểm toán giảm giá trị hợp đồng phần chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán do sai khối lượng (trừ phần khối lượng các bên thống nhất không thực hiện) và số chênh lệch giữa giá trị hợp đồng/giá trị trúng thầu lớn hơn giá trị dự toán/giá gói thầu xác định lại theo kết quả kiểm toán đạt từ 0,5% đến dưới 0,8% giá trị được kiểm toán tương ứng trở lên; hoặc có kiến nghị xử lý tài chính từ 0,5% đến dưới 0,8% tổng giá trị được kiểm toán trở lên;”.

3.5. *Bổ sung thêm tiết g tại điểm 9.3 khoản 9 Điều 8 hướng dẫn tính điểm thành tích cho Đoàn kiểm toán báo cáo quyết toán địa phương như sau:*

“g) Đoàn kiểm toán báo cáo quyết toán địa phương

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 25 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,5% trên tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh trở lên.

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 10 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,35% đến dưới 0,5% trên tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh trở lên.

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 5 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,15% đến dưới 0,35% trên tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh trở lên.”

3.6. Bổ sung thêm tiết h tại điểm 9.3 khoản 9 Điều 8 hướng dẫn tính điểm thành tích cho Đoàn kiểm toán báo cáo quyết toán bộ, cơ quan trung ương như sau:

“h) Đoàn kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước bộ, cơ quan trung ương

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 25 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,35% trên tổng chi ngân sách trở lên.

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 10 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,2% đến dưới 0,35% trên tổng chi ngân sách trở lên.

- Phát hiện xử lý tài chính được tính 5 điểm nếu có kiến nghị xử lý tài chính quy đổi từ 0,1% đến dưới 0,20% trên tổng chi ngân sách trở lên.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 khoản 2 Điều 9 như sau:

“- Đoàn Kiểm toán được xếp loại Xuất sắc nếu đạt từ 85 điểm trở lên hoặc ít nhất 2/3 số tổ kiểm toán được xếp loại xuất sắc theo quy định tại Điều 7 và các tổ còn lại xếp loại đạt trở lên.

- Đoàn Kiểm toán được xếp loại Khá nếu đạt từ 70 điểm trở lên hoặc ít nhất 2/3 số tổ kiểm toán được xếp loại khá theo quy định tại Điều 7 và các tổ còn lại xếp loại đạt trở lên.

- Đoàn Kiểm toán được xếp loại Đạt nếu đạt từ 60 điểm trở lên.

- Đoàn Kiểm toán xếp loại còn Hạn chế nếu không đạt các tiêu chuẩn xếp loại từ mức Đạt trở lên.

- Các trường đặc biệt khác do Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.”.

5. Bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày báo cáo kiểm toán được phát hành, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán gửi kết quả chấm điểm và số liệu, tài liệu chi tiết có liên quan đến việc chấm điểm của Đoàn kiểm toán (kết quả kiểm tra đối chiếu, kết quả kiểm toán chi đầu tư và các thông tin cần thiết khác chưa được phản ánh tại báo cáo kiểm toán) về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.2 và điểm 1.3 khoản 1 Điều 14 như sau:

“1.2. Theo dõi, tổng hợp, rà soát kết quả chấm điểm, đánh giá và xếp loại chất lượng Thành viên đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và Đoàn kiểm toán trong toàn Ngành và báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

1.3. Tổng hợp danh sách các cuộc kiểm toán đăng ký chất lượng vàng của các đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước, đồng thời gửi Vụ Tổng hợp, Thanh tra Kiểm toán nhà nước. Căn cứ kết quả kiểm soát, thanh tra, kiểm tra (nếu có), hoặc đề nghị Đoàn kiểm toán cung cấp hồ sơ kiểm toán (nếu cần) để tổ chức thẩm định, đánh giá, chấm điểm đối với cuộc kiểm toán do các đơn vị chủ trì đề xuất cuộc kiểm toán chất lượng vàng với các nội dung: Xây dựng, kiểm soát, phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết, kế hoạch kiểm tra, đối chiếu (nếu có); tổ chức thực hiện, tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán; ghi, kiểm soát nhật ký kiểm toán; tổ chức quản lý và kiểm tra, kiểm soát hoạt động kiểm toán, thực hiện chế độ báo cáo; tổng hợp, lập, duyệt và thông qua biên bản kiểm toán, lập và gửi thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết, thông báo kết luận, kiến nghị kiểm toán cho bên liên quan theo quy định của Hệ thống hồ sơ mẫu biểu kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ban hành; quản lý, lưu trữ hồ sơ, bằng chứng kiểm toán; điểm thành tích. Báo cáo kết quả chấm điểm cuộc kiểm toán được đề xuất để lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng hàng năm về Ban Thi đua - Khen thưởng Kiểm toán nhà nước trước ngày 30 tháng 12 của năm (theo Phụ lục 04)".

7. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 04: Bỏ dấu sao (*) tại dòng "Điểm thành tích".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; áp dụng đối với tất cả các Thành viên đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán trong năm 2023.

Các nội dung khác của Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại Thành viên đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và Đoàn kiểm toán nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 963/QĐ-KTNN ngày 15/7/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, các Đoàn Kiểm toán nhà nước, thành viên Đoàn Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT, CĐ (02).

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Ngô Văn Tuấn
Ngô Văn Tuấn